

Số 15/14/HD-UBND

Hà Giang, ngày 07 tháng 8 năm 2017

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Nghị quyết số 85 /2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017-2025

Căn cứ Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định một số chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017-2025;

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện như sau:

I. Danh mục, loại hình, quy mô, điều kiện, tiêu chuẩn của các cơ sở giáo dục, y tế được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết

Điều kiện để cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, y tế được hưởng mức hỗ trợ quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm các Quyết định sau: Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá, thể thao; môi trường (sau đây gọi tắt là Quyết định 1466); Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá, thể thao; môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định 693); Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá, thể thao; môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định 1470), Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi tắt là Quyết định 46), cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực giáo dục

1.1. Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở giáo dục thực hiện xã hội hóa (Theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Cơ sở giáo dục	Quy mô tối thiểu	Số trẻ em, học sinh tối đa/1 lớp, nhóm trẻ	Tiêu chí		Tiêu chuẩn	Điều kiện khác
			Diện tích sử dụng tối thiểu	Diện tích đất tối thiểu		
Trường mầm non					Quyết định ban hành điều lệ trường mầm non học theo văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 13/02/2014 Bộ GD&ĐT	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra
Thành phố, Thị xã	50 trẻ em	3-12 tháng tuổi: 15 trẻ em; 13-24 tháng tuổi: 20 trẻ em;	8 m ² /trẻ em			Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 50 trẻ em ít nhất 3 năm liên tục
Nông thôn, miền núi	50 trẻ em	25-36 tháng tuổi: 25 trẻ em; 3-4 tuổi: 25 trẻ em; 4- 5 tuổi: 30 trẻ em; 5 - 6 tuổi: 35 trẻ em		12 m ² /trẻ em		Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 50 trẻ em ít nhất 3 năm liên tục.
Trường tiểu học					Điều lệ trường tiểu học theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ GD&ĐT	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra
TP, thị xã	10 lớp	35	6 m ² /hs			Bảo đảm quy mô tối thiểu/của trường là 10 lớp ít nhất 4 năm liên tục
Nông thôn, miền núi	5 lớp	35		10 m ² /hs		Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 05 lớp ít nhất 4 năm liên tục

Trường trung học cơ sở					Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra
Thành phố, thị xã	8 lớp	45	6 m ² /hs			Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 8 lớp ít nhất 4 năm liên tục
Nông thôn, miền núi	4 lớp	45		10 m ² /hs		Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 04 lớp ít nhất 4 năm liên tục
Trường trung học phổ thông					Điều lệ trường THCS, THPT và trường PT có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT	Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra
Thành phố, thị xã	6 lớp	45	6 m ² /hs			Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 6 lớp ít nhất 3 năm liên tục
Nông thôn, miền núi	3 lớp	45		10 m ² /hs		Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 03 lớp ít nhất 3 năm liên tục
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	25 học viên/giáo viên/ca học		1,5 m ² / học viên/ca học		Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28/01/2011 của BGDĐT về Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	

1.2. Tiêu chí về các tiêu chuẩn của các cơ sở giáo dục

a) Đối với trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở: Được UBND huyện, thành phố thẩm định và quyết định thành lập theo quy định Điều lệ trường Mầm non, điều lệ trường Tiểu học và Điều lệ trường Trung học cơ sở.

b) Đối với trường Trung học phổ thông: Được UBND tỉnh thẩm định và quyết định thành lập theo quy định Điều lệ trường Trung học phổ thông.

c) Đối với Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học: Được UBND tỉnh thẩm định và quyết định thành lập; sở Giáo dục và Đào tạo cấp giấy phép hoạt động theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

2. Lĩnh vực y tế

2.1. Danh mục loại hình quy mô tiêu chuẩn của bệnh viện

2.1.1. Loại hình, quy mô bệnh viện

a) Bệnh viện đa khoa: Quy mô từ 31 giường bệnh trở lên.

b) Bệnh viện chuyên khoa: Quy mô từ 21 giường bệnh trở lên.

2.1.2. Tiêu chí về các tiêu chuẩn của bệnh viện: Đã được Sở Y tế thẩm định và cấp giấy phép hoạt động theo quy định tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2.2. Danh mục loại hình quy mô tiêu chuẩn của bệnh viện phòng khám đa khoa:

2.2.1. Loại hình, quy mô

a) Phòng khám đa khoa tại địa bàn kinh tế xã hội khó khăn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có từ 04 chuyên khoa trở lên.

- Có tối thiểu từ 10 giường lưu trú trở lên.

b) Phòng khám đa khoa ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có từ 03 chuyên khoa trở lên

- Có tối thiểu từ 08 giường lưu trú trở lên.

2.2.2. Tiêu chí về các tiêu chuẩn của phòng khám đa khoa: Đã được Sở Y tế thẩm định và cấp giấy phép hoạt động theo quy định tại Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

2.2.3. Địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn kinh tế xã hội khó khăn thực hiện theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

II. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các cơ sở giáo dục, y tế

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân (03 bộ):

- Đơn đề nghị hỗ trợ (đối với tổ chức theo mẫu số 01; đối với cá nhân theo mẫu số 02);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có);

- Bản sao chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Bản sao giấy phép hoạt động theo loại hình quy định (nếu có);

- Kết quả thẩm định dự án và báo cáo kinh tế - kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- Biên bản nghiệm thu dự án của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ trình UBND tỉnh của Sở Tài chính:

- Tờ trình;

- Báo cáo kết quả thẩm định của Đoàn kiểm tra (được thành lập theo Điều 3, Mục II, Phần B Hướng dẫn này);

- Biên bản kiểm tra, thẩm định;

- 01 bộ hồ sơ (quy định tại Điều 1, mục II, Phần B Hướng dẫn này).

3. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân xét thấy đủ điều kiện theo quy định tại Mục I, Phần B Hướng dẫn này, lập hồ sơ và nộp tại Sở GD&ĐT (lĩnh vực giáo dục), sở Y tế (lĩnh vực y tế).

- Bước 2: UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở GD&ĐT, Giám đốc Sở Y tế quyết định thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định, thành phần gồm:

+ Đối với lĩnh vực giáo dục: Lãnh đạo Sở GD&ĐT là Trưởng đoàn. Các thành viên, gồm: Lãnh đạo, chuyên viên các phòng chuyên môn của Sở GD&ĐT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với lĩnh vực y tế: Lãnh đạo Sở Y tế là Trưởng đoàn. Các thành viên gồm: Lãnh đạo, chuyên viên các phòng chuyên môn của Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đoàn kiểm tra, thẩm định tiến hành kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định tại Mục I, Phần B Hướng dẫn này

- Bước 3: Sau khi có kết quả kiểm tra, thẩm định, Sở Y tế, Sở GD&ĐT gửi báo cáo kết quả thẩm định đến Sở Tài chính.

- Bước 4: Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định kinh phí đề nghị hỗ trợ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định (mức hỗ trợ được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND).

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

III. Lập dự toán, phương thức cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện hỗ trợ

1. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ

Hàng năm, cùng với thời gian quy định lập dự toán ngân sách nhà nước, UBND các huyện, thành phố lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế để tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ dự toán ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị Quyết số 85/2017/NQ - HĐND.

2. Phương thức cấp phát, thanh toán

- Căn cứ kết quả thẩm định, đề xuất trình của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt mức hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

- Căn cứ Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân bằng hình thức lệnh chi tiền.

3. Quyết toán kinh phí

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 85/2017/NQ - HĐND được quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, trong đó có tách biểu chi tiết tình hình thực hiện kinh phí chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị liên quan

1.1. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ, 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND thuộc lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành phụ trách;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định này.

1.2. Sở Tài chính: Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối bố trí nguồn vốn đầu tư để thực hiện chính sách theo lĩnh vực được phân công.

1.3. Các sở, ngành có liên quan: Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Nghị quyết trên các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành phụ trách.

1.4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tuyên truyền phổ biến Nghị quyết số 85 /2017/NQ-HĐND và Hướng dẫn này tới mọi tầng lớp nhân dân. Kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các phòng, ban có liên quan, UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, y tế theo Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND trên địa bàn mình quản lý.

b) Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện trên địa bàn mình quản lý theo định kỳ 6 tháng và hằng năm (gửi về sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế để theo dõi, tổng hợp chung).

1.5. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa

a) Thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về chính sách xã hội hóa; sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng mục đích.

b) Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Ngân sách nhà nước hỗ trợ phải quản lý, hạch toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ vào sổ sách và báo cáo tài chính hằng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật.

2. Điều khoản thi hành

2.1. Tổ chức, cá nhân có đủ thủ tục hồ sơ theo các quy định Hướng dẫn này, được hưởng các chính sách của Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND kể từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

2.2. Thời hạn trả lời kết quả và giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của từng ngành, lĩnh vực có liên quan đến thành phần hồ sơ đề nghị thụ hưởng chính sách.

2.3. Trường hợp nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được dẫn chiếu áp dụng theo văn bản mới đó.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- TTr tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đức Quý

Mẫu: 01

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

HỖ TRỢ:.....

Theo chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và y tế theo Nghị quyết số 85 /2017/NQ-HĐND ngày 14/7 / 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức.....
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số.....;tháng.....năm.....; nơi cấp
- Người đại diện Ông (bà):.....
- + Số chứng minh nhân dân:.....ngày cấp.....nơi cấp.....
- + Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- + Chỗ ở hiện nay:.....
- + Điện thoại:.....Fax:.....
3. Mã số thuế:.....
4. Số hiệu tài khoản:.....;Ngân hàng nơi mở tài khoản.....
5. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Căn cứ Nghị quyết số 85/ 2017/ NQ-HĐND, ngày 14/7 /2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định một số chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017-2025

Tên tổ chức:.....đề nghị.....xem xét được hỗ trợ:..... quy định tại điểm:.....khoản....., ĐiềuNghị quyết số 85/ 2017/ NQ-HĐND. Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là:.....

(Viết bằng chữ:.....)

Tài liệu gửi kèm, gồm có:

- 1.....
- 2.....

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo./.

THỦ TRƯỞNG CỦA TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu: 02

TÊN HỘ KINH DOANH
(CÁ NHÂN)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

HỖ TRỢ:.....

Theo chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và y tế theo Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND ngày 14/7 /2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang

Kính gửi:.....

1. Tên hộ kinh doanh(cá nhân).....
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số...ngày...tháng...năm.....; nơi cấp.....
 - Người đại diện Ông (bà):.....
 - + Số chứng minh nhân dân:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
 - + Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
 - + Chỗ ở hiện nay:.....
 - + Điện thoại:.....Fax:.....
3. Mã số thuế:.....
4. Số hiệu tài khoản:.....;Ngân hàng nơi mở tài khoản.....

Căn cứ Nghị quyết số 85/ 2017/NQ-HĐND, ngày 14/7 /2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định một số chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017-2025; Căn cứ Hướng dẫn số /HD-UBND ngày / /2017 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 85/ 2017/NQ-HĐND, ngày 14/7 /2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định một số chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017-2025.

Tên hộ kinh doanh(cá nhân):.....đề nghị.....xem xét được hỗ trợ:..... quy định tại điểm:.....khoản....., Điều ...Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND.Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là:.....
(Viết bằng chữ:.....)

Tài liệu gửi kèm, gồm có:

- 1.....
- 2.....

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Xác nhận của UBND cấp xã
(Ký tên, đóng dấu)

Trưởng thôn, bản
(Ký ghi rõ họ và tên)

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)